



PHỤ LỤC

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG (VLXD) THÁNG 8 NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số 3084 TB-SXD) ngày 09/9/2022 của Sở Xây dựng (Cà Mau)

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/QUY CÁCH/NHÀ SẢN XUẤT/XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU	XÃ TẮC VÂN	HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐĂM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
										TT. CÁI DÔI VĂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỜI BÌNH	XÃ TÂN BANG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
1	Ni măng các loại																
	Ni măng Genwestco PCB 40	Bao (50 kg)															
	Ni măng Thăng Long PCB40	"															
	Ni măng Hà Tiên PCB40	"															
	Ni măng Nghi Sơn PC40	"															
	Ni măng Insee (Holcim) PC40	"	TCVN 6260-2009														
	Ni măng Vicem Hạ Long PCB40	"															
	Ni măng Công Thành PCB40	"															
	Ni măng Tây Đô PCB40	"															
	Ni măng poc lăng bên Sunphat PCB40-MS	"	TCVN 7711-2007														
	Ni măng trắng Hải Phòng	Bao (40 kg)															
	Ni măng trắng Thái Lan	"															
2	Cát các loại																
	Cát đen san lấp	m³	Nguồn gốc ở An Giang, Kiên Giang														
	Cát vàng	"															
3	Đá các loại																
	Đá 1x2cm	m³	TCVN 7509-2006/ Nguồn gốc ở An Giang, Kiên Giang														
	Đá 4x6cm	"															
4	Gạch xây các loại																
	Gạch rỗng đất nung 80x80x180mm	Viên															
	Gạch đặc đất nung 40x80x180mm	"															
	Gạch ống bê tông 80x80x180mm Mác 7,5 Mpa	"															
	Gạch ống bê tông 80x80x180mm Mác 5,0 Mpa	"															
	Gạch ống bê tông 40x80x180mm Mác 7,5 Mpa	"	TCVN 6477-2016														
	Gạch ống bê tông 40x80x180mm Mác 5,0 Mpa	"															
	Gạch tàu 300x300mm loại I	"															
	Gạch vỉa hè (ép thủy lực) 300x300x50mm (Sản phẩm của Công ty TNHH SX-TM Phúc Thành)	"	TCVN 7744:2013														
	Vữa xây xám GT-01	Bao (50kg)															
	Vữa tô xám GT-01	"															
	Bát treo tường	cái															
5	Gạch ốp lát các loại																
	Gạch Đồng Tâm (Loại AA)		TCVN 6414-1998														
	60x60cm (CLASSIC từ 007, 009, 010)	Viên															
	60x60cm (HAIVAN 001-FP)	"															
	60x60cm (DB 006, 014 - NANO)	"															
	60x60cm (TRUONGSON NN 006)	"															
	50x50cm (GOSAN 004)	"															
	50x50cm (HOANGSA VN)	"															
	50x50cm (TRUONGSA VN)	"															



SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM ĐÔI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	40x40cm (Mã sản phẩm từ 456 đến 485)	..		23 200													
	40x40cm (Mã sản phẩm 426)	..		24 800													
	40x40cm (LASEN 001)	..		28 640													
	40x40cm (SAPA 001)	..		29 920													
	30x30cm (Mã sản phẩm 300, 345, 387)	..		14 670													
	30x30cm (FOSSIL từ 001, 002)	..		16 110													
	30x30cm (NUHOANG 002)	..		16 110													
	30x30cm (ONIX từ 010, 012)	..		19 260													
	25x40cm (CARO từ 018, 019)	..		14 100													
	25x40cm (HOADA từ 001 đến 002)	..		14 100													
	25x40cm (TRANCHAU 001)	..		15 000													
	25x40cm (TAMDAO 001)	..		15 000													
	30x60cm (CARARAS 002)	..		39 600													
	30x60cm (NUHOANG 002)	..		39 600													
	30x60cm (ONIX từ 010 đến 013)	..		42 840													
	30x60cm (GALAXY 001, 002)	..		45 540													
	25x20cm (Mã sản phẩm 2520, 2541)	..		7 000													
	25x25cm (CARARAS001)	..		8 813													
	25x25cm (CARO 019)	..		8 813													
	25x25cm (HOADA 002)	..		8 813													
	Gạch Tuicera																
	Gạch men		TCVN 6414-1998														
	25x25cm	m ²		135 294													
	25x40cm	..		137 647													
	Gạch thạch anh																
	30x30cm (màu nhạt)	m ²		150 818													
	30x30cm (màu đậm)	..		155 591													
	40x40cm (màu nhạt)	..		141 273													
	60x30cm (màu nhạt)	..		214 773													
	60x30cm (màu đậm)	..		238 636													
	60x60cm (màu nhạt)	..		214 773													
	60x60cm (màu đậm)	..		238 636													
	Gạch thạch anh bóng kiếng																
	60x60cm (màu nhạt)	m ²		176 591													
	60x60cm (màu đậm)	..		233 864													
	80x80cm (màu nhạt)	..		248 182													
	80x80cm (màu đậm)	..		329 318													
	100x100cm	..		386 591													
6	Ngói (Đồng Tâm - Loại AA, nhóm 01 màu)																
	Ngói lợp	Viên		14 300													
	Ngói nóc	..		24 200													
	Ngói rìa	..		24 200													
	Ngói đuôi (cuối mái)	..		34 100													
	Ngói ốp cuối nóc	..		39 600													
	Ngói ốp cuối rìa	..		39 600													
	Ngói chữ T	..		53 900													
	Chạc 2 (góc vuông)	..		39 600													
	Chạc 3	..		53 900													
	Chạc 4	..		53 900													
7	Tấm lợp các loại																
	Tôn lạnh Zacs®AZ100 mạ nhôm kẽm	m	TCVN 7470-2005														
	Tôn dày 0,44 mm khổ 1,07m	..		149 800													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI LẬP	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ở TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐỐI VẮM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Tôn dày 0,49 mm khô 1,07m	..		163 300													
	Tôn dày 0,57 mm khô 1,07m	..		194 300													
	<i>Tôn của Công ty Vina One</i>																
	<i>Tôn lạnh Vina One AZ100</i>	m															
	Tôn dày 0,4 mm khô 1,07m	..		110 410													
	Tôn dày 0,45 mm khô 1,07m	..		121 792													
	Tôn dày 0,5 mm khô 1,07m	..		133 562													
	<i>Tôn lạnh màu Vina One</i>	m															
	Tôn dày 0,40 mm khô 1,07m	..		118 288													
	Tôn dày 0,45 mm khô 1,07m	..		130 131													
	Tôn dày 0,5 mm khô 1,07m	..		139 650													
8	Gỗ xây dựng		TCVN 7072-1971														
	Gỗ đầu xe dài >= 4m (xây dựng)	m³	Miền Đông, Lào	16 250 000													
	Ván thông xe	..	Đà Lạt, Komtum	8 550 000													
9	Sắt xây dựng các loại																
	<i>Thép Vicasa</i>		TCVN 1765-75														
	Sắt tròn trơn D = 6mm	Kg		17 200	18 000	20 670	20 500	22 000	22 000	19 045	19 000	19 000	19 000	19 000	19 000	20 500	
	Sắt tròn trơn D = 8mm	..		17 150	18 000	20 670	20 500	22 000	22 000	19 045	19 000	19 000	19 000	19 000	19 000	20 500	
	Sắt tròn gân D = 10mm	..		15 600		16 160	16 490	19 250	19 670	16 710		17 380	18 000	16 600		16 480	
	Sắt tròn gân D = 12mm	..		16 710		18 440	18 210	19 300	21 180	17 860		18 040	19 000	17 300	17 900	18 050	
	Sắt tròn gân D14 - D32mm	..		16 940		18 870	18 210	19 300		17 640		18 050	18 395	17 300	18 180	18 050	
	<i>Thép Vina Kyoei</i>	Kg	TCVN 1651-2:2008														
	Sắt tròn trơn D = 6mm (mác thép CB240-T/CB300-T/SWRM12/CT3)	..		19 470													
	Sắt tròn trơn D = 8mm (mác thép CB240-T/CB300-T/SWRM12/CT6)	..		19 415													
	Sắt tròn gân D = 10mm (mác thép CB300V/SD295A)	..		19 415													
	Sắt tròn gân D12-D32mm (mác thép CB300V/SD295A)	..		19 250													
	<i>Thép vuông, hộp, ống kẽm Vina One</i>	Kg															
	Vuông hộp ống kẽm, độ dày 1.00-2.00mm	..		26 400													
	Vuông hộp ống kẽm, độ dày 2.05-3.00mm	..		28 500													
	Vuông hộp ống kẽm, độ dày 3.00-5.00mm	..		29 000													
	Vuông hộp ống kẽm, độ dày >5.00mm	..		29 000													
10	Nhựa đường																
	<i>Nhựa đường Shell</i>	Kg															
	Nhựa đường thùng Singapore 60/70	..	TCVN 7493:2005	23 550													
	<i>Nhựa Carboncor Asphalt</i>	Kg															
	Nhựa Carboncor Asphalt - CA 9.5	..	TCCS 09: 2014/TCĐBVN	4 288													
	Carboncor Asphalt - CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	..	TCCS 09: 2019/CARBONVN	3 488													Tại trung tâm thành phố Cà Mau
11	Kính các loại																
	Kính trắng dày 5mm	m²		135 000													
	Kính màu dày 5mm	..		175 000													
	Kính trắng dày 10mm	..		320 000													
	Kính màu dày 10mm	..		360 000													
12	Sơn các loại																

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ở TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	<i>Sơn nước và bột trét tường Đồng Tâm</i>																
	<i>* Sơn EXTRA</i>																
	Extra nội thất	Thùng (18 lít)		1 180 000													
	Extra ngoại thất	"		1 939 000													
	<i>* Sơn Standard</i>																
	Standard nội thất	Thùng (18 lít)		778 000													
	Standard ngoại thất	"		1 202 000													
	<i>* Sơn lót Sealer</i>																
	Sealer nội thất	Thùng (18 lít)		1 340 000													
	Sealer ngoại thất	"		1 839 000													
	<i>* Bột trét tường</i>																
	Assure nội thất	Bao (40 kg)		272 000													
	Assure Plus ngoại thất	"		325 000													
	Glory nội thất	"		357 500													
	Glory ngoại thất	"		393 000													
	<i>Sản phẩm bột trét và sơn phủ SPEC GO GREEN</i>		QCVN 16: 2019/BXD														
	Bột trét tường nội thất SPEC GO GREEN FILLER FOR INT	Bao (40 kg)		285 000													
	Bột trét tường ngoại thất SPEC GO GREEN FILLER FOR EXT	"		410 000													
	Bột trét tường nội, ngoại thất SPEC GO GREEN FILLER FOR INT & EXT	"		370 000													
	Sơn lót Spec xanh ngoại thất SPEC GO GREEN PRIMER FOR EXTERIOR	Thùng (18 lít)		2 900 000													
	Sơn lót Spec xanh nội thất SPEC GO GREEN PRIMER FOR ERIOR	"		2 100 000													
	Sơn Spec xanh nội thất thách thức vết bẩn SPEC GO GREEN FRESHER INT	"		2 678 000													
	Sơn Spec xanh nội thất mờ cổ điển cao cấp, thách thức vết bẩn SPEC GO GREEN VIEW INT	"		2 462 000													
	Sơn Spec xanh ngoại thất SPEC GO GREEN PANO EXT	"		2 987 000													
	Sơn chống thấm Spec xanh ngoại thất SPEC GO GREEN FEXX EXTERIOR	"		2 870 000													
	<i>Sản phẩm bột trét và sơn phủ cao cấp MYKOLOR</i>																
	Bột trét tường cao cấp dùng trong nhà và ngoài trời Mykolor Filler Interior & Exterior	Bao (40kg)		270 000													
	Sơn lót chống kiềm ngoài trời gốc nước Mykolor Alkali Lock Interior	Thùng (25kg)		1 478 000													
	Sơn lót chống kiềm trong nhà gốc nước Mykolor Alkali Lock Interior	"		1 150 000													
	Sơn phủ nội thất cao cấp Acrylic Ilka Finish	"		1 550 000													
	Sơn phủ nội thất cao cấp Acrylic Classic Finish	"		1 790 000													
	Sơn phủ nội thất diệt khuẩn và chống bám bẩn 5PLUS (các màu thường)	Thùng (6,8kg)		630 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ở TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VĂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BĂNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Sơn phủ nội thất diệt khuẩn và chống bám bẩn 5PLUS (các màu đặc biệt phai pha chế riêng)	..		690 000													
	Sơn phủ ngoại thất Acrylic Semigloss Finish (các màu thường)	..		1 180 000													
	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Acrylic Semigloss Finish (các màu đặc biệt phai pha chế riêng)	..		1 290 000													
	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Acrylic Ultra Finish (các màu thường)	..		1 650 000													
	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Acrylic Ultra Finish (các màu đặc biệt phai pha chế riêng)	..		1 850 000													
	Sơn phủ chống nóng nội và ngoại thất Koolkot Finish	..		689 000													
	Sản phẩm bột trét và sơn phủ JOTON		QCVN 16: 2019/BXD														
	* Sơn ngoại thất																
	Sơn nước ngoại thất - ATOM SUPPER	Thùng (18 lít)		2 394 000													
	Sơn nước ngoại thất - ATOM SUPPER (Màu *)	..		2 634 000													
	* Sơn nội thất	..															
	Sơn nước nội thất - NEW FA	..		1 382 000													
	Sơn nước nội thất - ACCORD	..		952 000													
	* Bột Joton																
	Bột trét tường cao cấp ngoại thất	Bao (40 kg)		370 500													
	Bột trét tường cao cấp nội thất	..		282 000													
	Sản phẩm bột trét và sơn phủ KOVA																Giá này áp
	* Bột trét tường																dùng cho tất
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA MSG	Bao (40 kg)	TCVN 7239:2014	429 100													cả các huyện,
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA	..		404 800													thành phố
	Bột trét nội thất KOVA Smooth	..		461 900													
	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA MSG	..		556 500													
	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA VILLA	..		553 200													
	Bột trét ngoại thất KOVA Smooth	..		601 000													
	* Sơn nội thất																thuộc tỉnh Cà
	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-108	Thùng (25kg)	QCVN 16: 2019/BXD	1 455 150													
	Sơn nội thất cao cấp KOVA VILLA	..		1 593 350													Mau, đã bao
	Sơn nội thất KOVA VISTA+	..		1 420 250													
	Sơn nội thất KOVA K-203	..		1 760 250													
	* Sơn ngoại thất																
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA KV- 118	Thùng (25kg)	QCVN 16: 2019/BXD	2 280 050													gồm phi vận
	Sơn ngoại thất KOVA K-265	..		2 858 250													
	Sơn ngoại thất KOVA K-261	..		3 251 250													chuyển.
	Sản phẩm bột trét và sơn CUTYLUX		QCVN 16: 2019/BXD														
	Sơn phủ nội thất	Thùng (18 lít)		991 100													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BÀNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Sơn phủ ngoại thất	Thùng (18 lít)		2 087 800													
13	Vật tư ngành điện																
	<i>Dây cáp (Cadivi)</i>																
	Dây AV-16-0,6/1kV	m		8 063													
	Dây AV-35-0,6/1kV	"		14 795													
	Dây AV-120-0,6/1kV	"		46 200													
	Dây AV-500-0,6/1kV	"		183 480													
	<i>Cáp điện lực hạ thế (Cadivi)</i>																
	CV-1 5 (7/0.52) -0,6/1kV	"		6 864													
	CV-2 5 (7/0.67) -0,6/1kV	"		11 198													
	CV-10 (7/1.35) -0,6/1kV	"		41 206													
	CV-50-0,6/1kV	"		186 241													
	CV-240-0,6/1kV	"		935 803													
	CV-300-0,6/1kV	"		1 173 766													
	<i>Cầu dao điện (Cadivi)</i>																
	20A-2pha	Cái		36 410													
	30A-3pha	"		74 580													
	20A-3pha	"		72 270													
	Bộ đèn điện Duhal (chưa bao gồm bóng 0,6m và 1,2m)																
	Đèn siêu mỏng DTF 120 loại 01 bóng dài 0,6m (617x56x60)	"		80 000													
	Đèn siêu mỏng DTF 220 loại 02 bóng dài 0,6m (617x95x82)	"		100 000													
	Đèn siêu mỏng DTF 140 loại 01 bóng dài 1,2m (1225x56x60)	"		95 000													
	Đèn siêu mỏng DTF 240 loại 02 bóng dài 0,6m (1225x95x82)	"		165 000													
	Đèn siêu mỏng HTF 120 loại 01 bóng dài 0,6m (625x50x60)	"		80 000													
	Đèn siêu mỏng HTF 140 loại 02 bóng dài 1,2m (1250x50x60)	"		110 000													
	Đèn siêu mỏng MTF 120 loại 01 bóng dài 0,6m (625x49x23)	"		110 000													
	Đèn siêu mỏng MTF 140 loại 02 bóng dài 0,6m (1235x49x23)	"		135 300													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LSR 122/O (hoặc LSR 122/P) loại 01 bóng tròn 22W đường kính 270mm	"		180 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LSR 132/O (hoặc LSR 132/P) loại 01 bóng tròn 32W đường kính 340mm	"		240 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LKV 122/O (hoặc LKV 122/P) loại 01 bóng vuông 22W kích thước 310x310x66mm	"		150 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LKV 132/O (hoặc LKV 132/P) loại 01 bóng vuông 32W kích thước 357x357x66mm	"		205 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LSE 19/N (hoặc LSE 19/W) loại 01 bóng vuông 13W compact kích thước 270x151x100mm	"		140 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐĂM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ồ TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐỐI VẮM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Đèn đường HDD400, bóng cao áp 150W-400W	..		1 419 000													
	Đèn đường LSL400, bóng cao áp 250W-400W (650x460x185)	..		1 901 900													
	Đèn sân vườn, trụ tường LTV112 vuông 213x213x270	..		276 100													
	Đèn sân vườn, trụ tường LTV113 vuông 210x210x1010	..		521 400													
	Đèn Halogen âm trần DH2004 (hoặc DH2005) đường kính 85mm, cao 66mm	..		27 500													
	Đèn Halogen âm trần DH2045 đường kính 180mm, cao 85m	..		33 000													
	Đèn Halogen âm trần DH2017 đường kính 78mm, cao 60m	..		13 200													
	Đèn thoát hiểm 02 mặt gắn âm LSA	..		1 026 300													
	Đèn thoát hiểm 02 mặt gắn nổi LSN	..		1 015 300													
	Đèn thoát hiểm 01 mặt LSD	..		1 054 900													
	Đèn thoát hiểm loại kính LSM	..		466 400													
	Bóng đèn điện quang																
	Loại tròn 75 W	Bóng		7 000													
	Đèn led tube LEDFX06 (18W daylight, thân liền 1.2m, TU06)	Bộ	TCVN 722-1:2009	123 000													
	Đèn led tube LEDFX06 (9W daylight, thân liền 0.6m, TU06)	..		92 000													
	Đèn chiếu sáng công trình, đèn ốp trần (đã gồm bóng) Rạng Đông																
	Bộ đèn chiếu sáng HQ T8 18W x 1 M9G - Balat điện tử	..	TCVN 7722-1:2009/ IEC 60598-1:2008	116 600													
	Bộ đèn chiếu sáng HQ T8 36W x 1 M9G - Balat điện tử	..	//	130 900													
	Bộ đèn ốp trần 15W (CL 04 15 3UT3)	..	//	114 400													
	Bộ đèn ốp trần 16W (CL-01-16)	..	//	118 800													
	Bộ đèn ốp trần 28W (CL-03-28)	..	//	158 400													
	Bộ đèn ốp trần Led (LED CL-01) 8W - Trắng, vàng	..	//	347 600													
	Đèn chiếu sáng lớp học FS40/36x1 CM1*E	..	//	499 400													
	Đèn chiếu sáng lớp học FS40/36x2 CM1*E	..	//	649 000													
	Đèn chiếu sáng bảng FS40/36x1 CM1*E BACS	..	//	561 000													
	Đèn thoát hiểm, chiếu sáng khẩn cấp Rạng Đông																
	Đèn LED EXIT 40.20S (1 mặt)	Cái	IEC 60598-2-22	368 500													
	Đèn LED EXIT 40.20S (2 mặt)	..	//	396 000													
	Đèn LED EM 2W	Bộ	//	370 700													
14	Ôn áp các loại																
	* Ôn áp HANSINCO ®																
	3 pha (Input: 320-420V; Output: 380V)																
	10KVA	Cái		9 840 000													
	20KVA	..		18 580 000													
	30KVA	..		25 008 000													
	50KVA	..		41 255 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	80KVA	..		60 400 000													
	100KVA	..		74 645 000													
	200KVA	..		134 650 000													
	1 pha (90V-240V)																
	10KVA (BX)	Cái		8 100 000													
	15KVA	..		11 575 000													
	20KVA	..		14 540 000													
	25KVA	..		20 390 000													
	30KVA	..		23 775 000													
	40KVA	..		26 950 000													
	50KVA	..		40 710 000													
	60KVA	..		45 040 000													
	* Ôn áp ROBOT																
	Ôn áp Servo Robot 03 pha input 380V																
	10KVA	Cái		8 400 000													
	15KVA	..		12 800 000													
	20KVA	..		19 100 000													
	25KVA	..		23 100 000													
	30KVA	..		26 100 000													
	45KVA	..		36 900 000													
	60KVA	..		51 200 000													
	75KVA	..		59 400 000													
	100KVA	..		82 500 000													
	120KVA	..		97 000 000													
	150KVA	..		113 000 000													
	180KVA	..		155 000 000													
	200KVA	..		174 000 000													
	Ôn áp Servo Robot 01 pha																
	10KVA, dây điện áp 90 - 240V	Cái		6 600 000													
	10KVA, dây điện áp 60 - 240V	..		8 600 000													
	15KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		11 300 000													
	15KVA, dây điện áp 60 - 240V	..		11 400 000													
	20KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		16 800 000													
	20KVA, dây điện áp 60 - 240V	..		18 500 000													
	25KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		19 800 000													
	30KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		24 200 000													
	40KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		35 500 000													
	50KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		40 200 000													
	60KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		45 800 000													
15	Vật tư ngành nước																
	Ống uPVC Tiền Phong		ISO 1452-2: 2009														
	Ống																
	Ống uPVC D21x1.2mm	m		10 113													
	Ống uPVC D21x1.6mm	..		13 549													
	Ống uPVC D21x2.4mm	..		16 200													
	Ống uPVC D27x1.3mm	..		12 862													
	Ống uPVC D27x1.6mm	..		15 513													
	Ống uPVC D27x2.0mm	..		17 378													
	Ống uPVC D27x3.0mm	..		24 447													
	Ống uPVC D34x1.3mm	..		15 513													
	Ống uPVC D34x1.7mm	..		19 735													
	Ống uPVC D34x2.0mm	..		23 956													
	Ống uPVC D34x3.8mm	..		39 273													
	Ống uPVC D42x1.5mm	..		22 876													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỀN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỜI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ở TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỜI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Ống uPVC D42x2.0mm	..		30 633													
	Ống uPVC D42x2.5mm	..		35 738													
	Ống uPVC D42x3.2mm	..		43 298													
	Ống uPVC D48x2.9mm	..		44 575													
	Ống uPVC D48x3.6mm	..		54 589													
	Ống uPVC D60x1.5mm	..		36 229													
	Ống uPVC D60x2.3mm	..		52 527													
	Ống uPVC D60x2.9mm	..		63 425													
	Ống uPVC D60x4.5mm	..		93 567													
	Ống uPVC D90x2.2mm	..		68 335													
	Ống uPVC D90x2.7mm	..		77 956													
	Ống uPVC D90x4.3mm	..		120 175													
	Ống uPVC D90x5.4mm	..		159 545													
	Ống uPVC D110x2.7mm	..		101 716													
	Ống uPVC D110x4.2mm	..		162 295													
	Ống uPVC D110x5.3mm	..		178 789													
	Ống uPVC D160x4.0mm	..		200 389													
	Ống uPVC D160x4.7mm	..		234 851													
	Ống uPVC D160x6.2mm	..		310 353													
	Ống uPVC D160x7.7mm	..		372 993													
	Ống uPVC D225x5.5mm	..		394 593													
	Ống uPVC D225x6.6mm	..		459 589													
	Ống uPVC D225x8.6mm	..		607 549													
	Nối thẳng																
	Loại 10 bar																
	Đường kính 21	Cái		1 699													
	Đường kính 27	..		2 160													
	Đường kính 34	..		2 356													
	Đường kính 42	..		4 124													
	Đường kính 48	..		5 302													
	Đường kính 60	..		9 033													
	Đường kính 75	..		12 764													
	Đường kính 90	..		40 156													
	Đường kính 110	..		59 400													
	Đường kính 160	..		155 324													
	Đường kính 225 (6 bar)	..		262 735													
	Co 90 (90 Elbow)	Cái															
	Loại 10 bar																
	Đường kính 21	..		1 767													
	Đường kính 27	..		2 749													
	Đường kính 34	..		4 124													
	Đường kính 42	..		6 676													
	Đường kính 48	..		10 505													
	Đường kính 60	..		21 502													
	Đường kính 75	..		50 269													
	Đường kính 90	..		58 909													
	Đường kính 110	..		91 113													
	Đường kính 160	..		360 622													
	Tê																
	Loại 10 bar																
	Đường kính 21	Cái		2 749													
	Đường kính 27	..		4 615													
	Đường kính 34	..		6 185													
	Đường kính 42	..		8 836													
	Đường kính 48	..		13 058													
	Đường kính 60	..		20 716													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VĂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BÀNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Đường kính 75	..		53 215													
	Đường kính 90	..		82 240													
	Đường kính 110	..		115 069													
	Đường kính 160	..		379 276													
	Đường kính 225 (6 bar)	..		1 062 229													
	Ống và phụ tùng nhựa Tân Tiến																
	Khẩu nối (màng song)		BS3505-1968														
	Co PVC 21	Cái		2 420													
	Co PVC 27	..		3 850													
	Co PVC 34	..		5 610													
	Co PVC 42	..		5 830													
	Co PVC 49	..		9 130													
	Co PVC 60	..		14 190													
	Co PVC 75 (76)	..		28 160													
	Co PVC 90	..		28 820													
	Co PVC 114	..		60 610													
	Co PVC 168	..		235 730													
	Co PVC 220	..		515 790													
	Co (loại 90 độ)		BS3505-1968														
	Co PVC 21	Cái		2 420													
	Co PVC 27	..		3 850													
	Co PVC 34	..		5 610													
	Co PVC 42	..		8 470													
	Co PVC 49	..		13 090													
	Co PVC 60	..		21 010													
	Co PVC 75 (76)	..		40 480													
	Co PVC 90	..		52 250													
	Co PVC 114	..		120 450													
	Co PVC 168	..		395 340													
	Co PVC 220	..		676 830													
	Chữ Tê		BS3505-1968														
	Co PVC 21	Cái		3 190													
	Co PVC 27	..		5 280													
	Co PVC 34	..		8 470													
	Co PVC 42	..		11 220													
	Co PVC 49	..		16 830													
	Co PVC 60	..		28 600													
	Co PVC 75 (76)	..		54 450													
	Co PVC 90	..		71 940													
	Co PVC 114	..		146 960													
	Co PVC 168	..		531 520													
	Co PVC 220	..		900 790													
	Ống và phụ tùng nhựa Tiền phong																
	Ống (loại PN10)																
	Ống HDPE D90x4.3mm	m	ISO 4427-2007	109 700													
	Ống HDPE D110x6.6mm	..	..	166 200													
	Ống HDPE D125x7.4mm	..	..	209 800													
	Ống HDPE D140x8.3mm	..	..	261 900													
	Ống HDPE D160x9.5mm	..	..	344 200													
	Ống HDPE D180x10.7mm	..	..	433 300													
	Ống HDPE D200x11.9mm	..	..	543 000													
	Ống HDPE D225x13.4mm	..	..	667 400													
	Ống HDPE D250x14.8mm	..	..	826 900													
	Ống HDPE D280x16.6mm	..	..	1 030 300													
	Ống HDPE D315x18.7mm	..	..	1 312 000													
	Ống HDPE D355x21.1mm	..	..	1 667 300													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỀN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VĂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Ống HDPE D400x23.7mm	..	..	2 118 600													
	Ống HDPE D450x26.7mm	..	..	2 677 100													
	Ống HDPE D500x29.7mm	..	..	3 329 100													
	Ống HDPE D560x33.2mm	..	..	4 501 000													
	Ống HDPE D630x37.4mm	..	..	5 701 000													
	Co 90 (loại PN10)																
	Ống HDPE D90	Cái	..	98 600													
	Ống HDPE D110	..	..	150 500													
	Ống HDPE D125	..	..	222 600													
	Ống HDPE D140	..	..	283 600													
	Ống HDPE D160	..	..	378 100													
	Ống HDPE D180	..	..	486 900													
	Ống HDPE D200	..	..	612 900													
	Ống HDPE D225	..	..	795 800													
	Ống HDPE D250	..	..	1 003 200													
	Ống HDPE D280	..	..	1 283 700													
	Ống HDPE D315	..	..	1 699 400													
	Ống HDPE D355	..	..	3 176 300													
	Ống HDPE D400	..	..	4 129 700													
	Ống HDPE D450	..	..	5 370 600													
	Ống HDPE D500	..	..	6 829 200													
	Chữ Tê																
	Ống HDPE D90	Cái	..	129 000													
	Ống HDPE D110	..	..	196 100													
	Ống HDPE D125	..	..	254 100													
	Ống HDPE D140	..	..	323 200													
	Ống HDPE D160	..	..	432 000													
	Ống HDPE D180	..	..	557 000													
	Ống HDPE D200	..	..	702 300													
	Ống HDPE D225	..	..	912 800													
	Ống HDPE D250	..	..	1 151 500													
	Ống HDPE D280	..	..	1 475 800													
	Ống HDPE D315	..	..	1 936 200													
	Ống HDPE D355	..	..	3 560 400													
	Ống HDPE D400	..	..	4 638 900													
	Ống HDPE D450	..	..	6 044 500													
	Ống HDPE D500	..	..	7 701 200													
	Hệ thống hồ ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới (Loại bê tông cốt sợi (BTCS) thành mỏng đúc sẵn)		TCVN 10033- 1:2014														
	Hệ thống hồ ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F2 BTCS đúc sẵn - Vía hè	Bộ	..	8 901 000													
	Hệ thống hồ ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F2 BTCS đúc sẵn - Lòng đường	..	..	9 270 000													
	Hệ thống hồ ga thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối. KT 760x580x1470mm	..	..	8 999 000													
16	Bồn nước																
	Bồn nước inox Toàn Mỹ (gồm cả chân đế inox)		TC 15-2007/TM														
	Bồn đứng 500 lít	cái		2 300 000													
	Bồn nằm 500 lít	..		2 400 000													
	Bồn đứng 1000 lít	..		3 170 000													
	Bồn nằm 1000 lít	..		3 380 000													
	Bồn đứng 1500 lít	..		4 800 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TẠC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VĂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Bồn năm 1500 lit	lít		5 450 000													
	Bồn đứng 2000 lit (dây 0,7mm)	lít		6 500 000													
	Bồn năm 2000 lit (dây 0,7mm)	lít		6 840 000													
	Bồn đứng 2500 lit (dây 0,9mm)	lít		9 720 000													
	Bồn năm 2500 lit (dây 0,9mm)	lít		11 750 000													
	Bồn đứng 3000 lit (dây 0,9mm)	lít		11 500 000													
	Bồn năm 3000 lit (dây 0,9mm)	lít		11 180 000													
	Bồn nước inox Đại Thành (gồm cả chân để inox)																
	Bồn đứng 500 lit	cái		1 850 000													
	Bồn năm 500 lit	lít		2 000 000													
	Bồn đứng 1000 lit	lít		2 870 000													
	Bồn năm 1000 lit	lít		3 080 000													
	Bồn đứng 1500 lit	lít		4 225 000													
	Bồn năm 1500 lit	lít		4 455 000													
	Bồn đứng 2000 lit	lít		5 640 000													
	Bồn năm 2000 lit	lít		5 880 000													
	Bồn đứng 2500 lit	lít		7 115 000													
	Bồn năm 2500 lit	lít		7 235 000													
	Bồn đứng 3000 lit	lít		8 220 000													
	Bồn năm 3000 lit	lít		8 460 000													
	Bồn nước inox Đại Phát (gồm cả chân để inox)																
	Bồn năm 500 lit	cái		2 420 000													
	Bồn năm 1000 lit	lít		3 890 000													
	Bồn năm 1500 lit	lít		5 820 000													
	Bồn năm 2000 lit	lít		7 690 000													
	Bồn đứng 500 lit	lít		2 220 000													
	Bồn đứng 1000 lit	lít		3 670 000													
	Bồn đứng 1500 lit	lít		5 550 000													
	Bồn đứng 2000 lit	lít		7 420 000													
17	Tấm trần, vách các loại																
	Trần thạch cao, vách ngăn Lê Trần		ASTM 1396-04; BS EN 520-2004; ASTM C635/C635M ASTM C645														
	Trần nổi kích thước 605x605x9.5mm (khung nổi LÊ TRẦN CeilTEK ULtra, tấm thạch cao tiêu chuẩn)	m ²		143 000													
	Trần nổi kích thước 605x605x9.5mm (khung nổi LÊ TRẦN CeilTEK Pro, tấm thạch cao tiêu chuẩn)	lít		137 000													
	Trần chìm (khung chìm LÊ TRẦN MacroTEK S500 mạ nhôm kẽm, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12.5mm)	lít		170 000													
	Trần chìm (khung chìm LÊ TRẦN MacroTEK S450 mạ nhôm kẽm, tấm thạch cao tiêu chuẩn 9.5mm)	lít		148 000													
	Trần chìm (khung chìm LÊ TRẦN MacroTEK S400 mạ nhôm kẽm, tấm thạch cao tiêu chuẩn 9.5mm)	lít		143 000													
	Hệ vách ngăn khung LÊ TRẦN WallTEK Pro dày 0,6mm mạ nhôm kẽm	lít		192 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI LÜU	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI DÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Trần chìm ChannelTEK Ultra 38, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12,5mm	"		187 000													
	Trần chìm ChannelTEK Pro 38, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12,5mm	"		181 000													
	Trần chìm ChannelTEK Ultra 28, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12,5mm	"		159 000													
	Trần chìm ChannelTEK Pro 28, tấm thạch cao tiêu chuẩn 9,5mm	"		159 000													
	Trần thạch cao, vách ngăn Vĩnh Tường	"	ASTM C635-07														
	Trần nổi kích thước 610x1210x9mm (Tấm thạch cao tiêu chuẩn phủ PVC, hệ khung VĨNH TUỖNG SMARTLINE)	"		151 702													
	Trần nổi (Tấm nhôm Skymetal, hệ khung VĨNH TUỖNG TOPLINE)	"		332 651													
	Trần nổi kích thước 610x1210x9mm (Tấm thạch cao chống ẩm phủ PVC, hệ khung VĨNH TUỖNG TOPLINE)	"		162 980													
	Trần nổi kích thước 610x1210x3.5mm (Tấm Duraflex in hoa vân nổi, hệ khung VĨNH TUỖNG TOPLINE)	"		135 010													
	Trần nổi kích thước 610x1210x9mm (Tấm thạch cao tiêu chuẩn phủ PVC, hệ khung VĨNH TUỖNG FINELINE)	"		140 639													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 12.7mm, hệ khung VĨNH TUỖNG BASI)	"		154 088													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TUỖNG BASI)	"		132 127													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TUỖNG ALPHA)	"		121 545													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao chống ẩm Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TUỖNG ALPHA)	"		140 334													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TUỖNG TIKI)	"		116 288													
	Vách ngăn chống cháy 60 phút (tấm thạch cao Gyproc chống cháy 15.8mm, mỗi mặt 01 lớp) hệ khung VĨNH TUỖNG V-Wall 51/52	"	ASTM C645-11a	357 698													
	Vách ngăn (tấm thạch cao Gyproc tiêu chuẩn 12.7mm, mỗi mặt 01 lớp) hệ khung VĨNH TUỖNG V-Wall 75/76	"	ASTM C645-11a	271 036													
18	Sản phẩm sử vệ sinh Đồng Tâm																
	Bộ cầu 2 khối																
	Era (nắp thường, phụ kiện gạt) - E0101TGT*	bộ		1 076 900													
	Ruby (nắp thường, phụ kiện gạt) - B0707TGT*	"		1 190 200													
	Queen (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhấn) - B4429HS2*	"		1 493 800													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VĂN					TT. CÁI ĐÔI VẮM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Sand (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân) - B6464HS2*	"		1 493 800													
	Bộ cầu 1 khối																
	Gold (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân, Nano) - K3130HS2*-N	"		2 596 000													
	Water (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân, Nano) - K6730HS2*-N	"		2 695 000													
	Các loại chậu																
	Chậu bàn 01 - LB01LL*	cái		275 000													
	Chậu âm bàn 10 - LB1000*	"		396 000													
	Chậu tròn treo 01 - lỗ lớn - LT01LL*	"		268 400													
	Chậu tròn treo 35 - lỗ lớn - LT35LL*	"		305 000													
	Chậu tròn treo 51 - 1 lỗ - LT51LL*	"		333 300													
	Chậu tròn treo 63 - 1 lỗ - LT63LL*	"		352 000													
	Chậu tròn treo 65 - lỗ lớn - LT65LL*	"		401 500													
	Các loại chân chậu (chỉ tính phần sứ)																
	Chân chậu 01 - PD0100*	cái		247 500													
	Chân chậu Ý - PDY100*	"		247 500													
	Chân chậu 04 - PT400*	"		264 000													
	Chân chậu treo 35 - PT3500*	"		264 000													
	Chân chậu 51 - PT5100*	"		264 000													
	Chân chậu 63 - PT6300*	"		264 000													
	Các loại bồn tiểu																
	Bồn tiểu 01 - UT01XV*	cái		209 000													
	Bồn tiểu 14 - UT14XV*	"		550 000													
	Bồn tiểu 15 - UT15XV*	"		440 000													
	Bồn tiểu 64 - UT64XV*	"		589 600													
	Bồn tiểu 65 - UT65XV*	"		599 500													
	Các loại nắp nhựa																
	Nắp thường dùng cho cầu 2 khối - NNHADT*	cái		143 000													
	Nắp rơi êm dùng cho cầu 02 khối - NNHADH*	"		374 000													
	Các loại phụ kiện																
	Phụ kiện gạt cầu 2 khối - PKHAGTD	bộ		143 000													
	Phụ kiện treo - PKHAGTT	"		143 000													
	Phụ kiện 02 nhân cầu khối PKRTN2K	"		308 000													
	Phụ kiện 02 nhân cầu khối 65 PKSN2KO	"		308 000													
	Phụ kiện 02 nhân cầu khối 67, 54, 55 PKSN2KV	"		308 000													
	Phụ kiện 2 nhân cầu 02 khối - PKHAN2D, PKSIN2D, PKSIN2V, BKSIN2O	"		308 000													
	Bộ pat chậu (LT04, LT01, LT35, LT51, LT63, LT65)	"		33 000													
	Các loại thân cầu và thùng nước rời																
	Thân cầu Era - CE0109*	cái		737 000													
	Thân cầu Ruby - CD0725*	"		847 000													
	Thân cầu Queen - CD4430*	"		957 000													
	Thân cầu Sand - CD6430*	"		957 000													
	Cầu thấp 04 (**)	"		323 750													
	Thùng nước cầu Era - TE01GT*	"		407 000													
	Thùng nước cầu Ruby - TD07GT*	"		440 000													
	Thùng nước cầu Queen - TD29N1*	"		550 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỜI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ở TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỜI BÌNH	XÃ TÂN BÀNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Thùng nước cầu Sand - TD64N1*	..		550 000													
	Thùng nước treo 06 - TD06GT	..		440 000													
19	Nhiên liệu																
	Xăng E5 RON 92	Lit		24 531													
	Dầu DO 0.5%S	..		23 996													
20	Củ tràm (Tại tuyến lộ xe Cà Mau - U Minh đoạn ở xã Nguyễn Phích)																
	Củ tràm 4,7m, ĐK ngọn = 5-6cm	Cây	Giá có thể thay đổi													26 500	
	Củ tràm 4,7m, ĐK ngọn = 4,2-4,5cm	Cây	theo điều kiện thanh													24 000	
	Củ tràm 4,7m, ĐK ngọn = 3,8-4,2cm	..	toàn và giao hàng cụ thể													21 000	

Ghi chú:

- Mức giá trên đã tính thuế VAT, là mức giá bình quân niêm yết tại kho bãi, cửa hàng nơi bán (bao gồm cát, đá các loại), chưa tính chi phí bốc xếp, vận chuyển đến hiện trường xây dựng công trình. Đối với vật liệu cát, đá các loại.... mua trực tiếp từ các tỉnh khác vận chuyển thẳng đến công trình (không qua kho bãi trung gian tại các cửa hàng ở tỉnh Cà Mau) thì chủ đầu tư phải tổ chức khảo sát, xác định giá cho phù hợp.

- Đối với những vật liệu trong công bố chưa ghi rõ tiêu chuẩn sản xuất hoặc chỉ ghi nguồn gốc xuất xứ là những loại vật liệu theo quy cách phổ biến trên thị trường Cà Mau (chưa xác định hoặc không xác định được tiêu chuẩn sản xuất).